

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 60/CUC TAY TRADING LLC/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH CÚC TÂY TRADING

Địa chỉ: Tòa nhà Circo, 222 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 35268489 (Ext: 770)

E-mail: vn.import@mrdiy.com

Mã số doanh nghiệp: 0317734828

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp: (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **HỘP CƠM TRƯA BẰNG NHỰA**

2. Thành phần: Phần thân bằng nhựa PP, phần nắp bằng nhựa PP, nĩa bằng nhựa PP, miếng ngăn thực phẩm bằng nhựa PP.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không có hạn sử dụng.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong túi nhựa OPP, bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh theo quy định của Bộ Y Tế.

Thông số kỹ thuật: Dung tích: 1200 ml.

Quy cách đóng gói: 1 cái, 4 cái/túi.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Trung Quốc.

Sản xuất tại: JIANGMEN CITY XINHUI HENGLONG INNOVATIVE HOUSEWARES CO., LTD.

Địa chỉ: Folk Enterprise Industrial Park, Jiangmen City Xinhui, Guangdong, Trung Quốc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



+ QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



VŨ HOÀNG THI

TRƯỞNG PHÒNG NHẬP KHẨU



TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM ĐÍNH KÈM

Tên sản phẩm: HỘP CƠM TRƯA BẰNG NHỰA

TNHH

Phần nắp bằng nhựa PP:

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Chì	100 µg/g	Kim loại nặng	95°C trong 30 phút	Acid acetic 4%	1 µg/ml
Cadmi	100 µg/g	Lượng KMnO ₄ sử dụng		Nước	10 µg/ml

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Cặn khô	25°C trong 1 giờ	Heptan	30 µg/ml
	60°C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
	95°C trong 30 phút	Nước	
		Acid acetic 4%	

Phần nắp bằng nhựa PP:

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Chì	100 µg/g	Kim loại nặng	95°C trong 30 phút	Acid acetic 4%	1 µg/ml
Cadmi	100 µg/g	Lượng KMnO ₄ sử dụng		Nước	10 µg/ml

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Cặn khô	25°C trong 1 giờ	Heptan	30 µg/ml
	60°C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
	95°C trong 30 phút	Nước	
		Acid acetic 4%	



Nĩa bằng nhựa PP:

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Chì	100 µg/g	Kim loại nặng	95°C trong 30 phút	Acid acetic 4%	1 µg/ml
Cadmi	100 µg/g	Lượng KMnO ₄ sử dụng		Nước	10 µg/ml

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Cặn khô	25°C trong 1 giờ	Heptan	30 µg/ml
	60°C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
	95°C trong 30 phút	Nước	
		Acid acetic 4%	

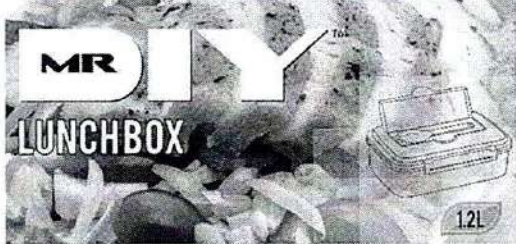
Miếng ngăn thực phẩm bằng nhựa PP:

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Chì	100 µg/g	Kim loại nặng	95°C trong 30 phút	Acid acetic 4%	1 µg/ml
Cadmi	100 µg/g	Lượng KMnO ₄ sử dụng		Nước	10 µg/ml

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Cặn khô	25°C trong 1 giờ	Heptan	30 µg/ml
	60°C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
	95°C trong 30 phút	Nước	
		Acid acetic 4%	



 Sản phẩm 8976389 	NỘI DUNG NHÃN PHỤ DỤ KIẾN HỘP CƠM TRƯA BẰNG NHỰA Thông số kỹ thuật: Dung tích: 1200 ml. Thành phần: Phần thân bằng nhựa PP, phần nắp bằng nhựa PP, nĩa bằng nhựa PP, miếng ngăn thực phẩm bằng nhựa PP. Hướng dẫn sử dụng: Rửa sản phẩm bằng nước sạch trước khi sử dụng. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng nếu sản phẩm bị hư hỏng. Vui lòng để sản phẩm tránh xa lửa. Ngăn không cho sản phẩm rơi để tránh hư hỏng. Không sử dụng len thép để vệ sinh nhằm tránh làm xước bề mặt. Nhà sản xuất: JIANGMEN CITY XINHUI HENGLONG INNOVATIVE HOUSEWARES CO., LTD. Địa chỉ: Folk Enterprise Industrial Park, Jiangmen City Xinhui, Guangdong, Trung Quốc. Nhà nhập khẩu: CÔNG TY TNHH CÚC TÂY TRADING Địa chỉ: Tòa nhà Circo, 222 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: (028) 35268489 (Ext: 770) Xuất xứ: Trung Quốc.
--	--

	MR DIY™ HỘP CƠM TRƯA 1,2L
 Safe for the microwave, freezer and top rack of dishwasher.	MR DIY™ An toàn khi sử dụng trong lò vi sóng, tủ đông và ngăn trên cùng của máy rửa chén.
 Distributed by: MR. D.I.Y. TRADING SDN BHD (Co. No.: 879428-V) Lot 1851-A & 1851-B, Jalan KPB 6, Kawasan Perindustrian Balakong, 43300 Seri Kembangan, Selangor, Malaysia. TEL NO: 603-8961 1338 FAX NO: 603-8964 0925	MR DIY™ Model: YH-343 (Mã vạch) 8976389 Phân phối bởi: MR. D.I.Y. TRADING SDN BHD (Số công ty: 879428-V) Lot 1851-A & 1851-B, Jalan KPB 6, Kawasan Perindustrian Balakong, 43300 Seri Kembangan, Selangor, Malaysia. ĐT: 603-8961 1338 FAX: 603-8964 0925
	5 PP 1,2L / 40 OZ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
CÔNG TY TNHH CÚC TÂY TRADING**

(Đã ký và đóng dấu)

VŨ HOÀNG THI
TRƯỞNG PHÒNG NHẬP KHẨU



Tôi, Nguyễn Thị Mai Hiền, CCCD số: 001300010089 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch


Nguyễn Thị Mai Hiền

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 27 tháng 05 năm 2025 (Ngày hai mươi bảy, tháng năm, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi,  - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Nguyễn Thị Mai Hiền, CCCD số: 001300010089 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Nguyễn Thị Mai Hiền;

- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành 2 bản chính, mỗi bản gồm 2 tờ, 2 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 29260 Quyển số: 01 /2025 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN







Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

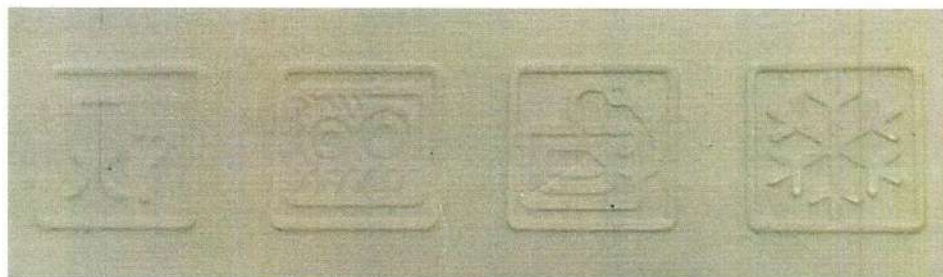
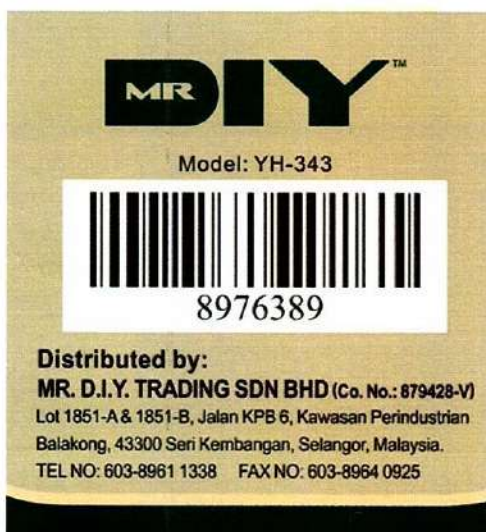
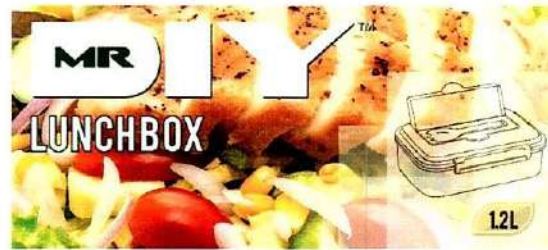
(Ký tên, đóng dấu)



VŨ HOÀNG THI

TRƯỞNG PHÒNG NHẬP KHẨU





BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2503002541/M

Ngày/Date: 20/03/2025

Số đơn hàng/Job Order No.: 2503002541
Tên khách hàng/Client's name: CÔNG TY TNHH CÚC TÂY TRADING
Địa chỉ/Address: Tòa nhà Circo, 222 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Thông tin mẫu/Sample information: HỘP CƠM TRƯA BẰNG NHỰA
Số niêm phong/Seal No.: Không niêm/No seal
Mô tả mẫu/Sample description^(#): PHẦN THÂN BẰNG NHỰA PP+PHẦN NẮP BẰNG NHỰA PP+ NĨA BẰNG NHỰA PP+MIẾNG NGẮN THỰC PHẨM BẰNG NHỰA PP
Ngày nhận mẫu/Date of sample receipt: 14/03/2025
Ngày bắt đầu phân tích/Date of Analysis Commencement: 15/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ANALYSIS RESULT(S)

[Xem trang kế/See next page(s)]

Ghi chú/ Notes:

^(#)Thông tin được khách hàng cung cấp/Information declared by client.

Các chỉ tiêu thể hiện trên báo cáo kết quả thử nghiệm/ The results of the above mentioned analyses:

Chỉ tiêu số 1 đến số 8 được tổng hợp từ báo cáo kết quả thử nghiệm số 2503002541-31 cấp ngày 20/03/2025/ No. 1 to No. 8 are reported from the analysis report 2503002541-31 dated March 20, 2025.

Chỉ tiêu số 9 đến số 16 được tổng hợp từ báo cáo kết quả thử nghiệm số 2503002541-32 cấp ngày 20/03/2025/ No. 9 to No. 16 are reported from the analysis report 2503002541-32 dated March 20, 2025.

Chỉ tiêu số 17 đến số 24 được tổng hợp từ báo cáo kết quả thử nghiệm số 2503002541-33 cấp ngày 20/03/2025/ No. 17 to No. 24 are reported from the analysis report 2503002541-33 dated March 20, 2025.

Chỉ tiêu số 25 đến số 32 được tổng hợp từ báo cáo kết quả thử nghiệm số 2503002541-34 cấp ngày 20/03/2025/ No. 25 to No. 32 are reported from the analysis report 2503002541-34 dated March 20, 2025.

Các thử nghiệm này được thực hiện trên 1 đơn vị mẫu theo yêu cầu khách hàng/All tests were performed on one unit of sample as client's request.

^(*)Phương pháp được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi tổ chức BoA/ISO/IEC 17025:2017 accredited method by BoA organisation.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation.
- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/Sample information provided by clients.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/The analysis result(s) valid on tested sample only.
- Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban giám đốc Công ty TNHH TENTAMUS VIỆT NAM/This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of TENTAMUS VIETNAM LLC

Phòng Kiểm nghiệm
Laboratory

NGUYỄN PHAN CHÍNH

Đại diện Công ty TNHH TENTAMUS VIỆT NAM
On behalf of TENTAMUS VIETNAM LLC
TRẦN LÊ MINH KHÁNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2503002541/M

Ngày/Date: 20/03/2025

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
A	PHẦN THÂN BẰNG NHỰA PP (#)				
1	Cadmi (Cd) /Cadmium	µg/g	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
2	Chì (Pb) /Lead	µg/g	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
3	Kim loại nặng quy ra chì (Pb) (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Heavy metal as Pb (4% Acetic acid, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 1	1	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
4	KMnO ₄ sử dụng (Nước, 95°C, 30 phút) /KMnO ₄ consumption (Water, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
5	Cặn khô (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Acetic acid 4%, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
6	Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút) /Residues after evaporation (20% Ethanol, 60°C, 30 minutes)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
7	Cặn khô (Heptan, 25°C, 1 giờ) /Residues after evaporation (Heptane, 25°C, 1 hr)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
8	Cặn khô (Nước, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Water, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
B	PHẦN NẮP BẰNG NHỰA PP (#)				
9	Cadmi (Cd) /Cadmium	µg/g	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)

LOP/13/F01 [01/10/2021]

Trang/Page 2/5

TENTAMUS

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2503002541/M

Ngày/Date: 20/03/2025

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
10	Chì (Pb) /Lead	µg/g	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT ^(*)
11	Kim loại nặng quy ra chì (Pb) (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Heavy metal as Pb (4% Acetic acid, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 1	1	QCVN 12-1:2011/BYT ^(*)
12	KMnO ₄ sử dụng (Nước, 95°C, 30 phút) /KMnO ₄ consumption (Water, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT ^(*)
13	Cặn khô (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Acetic acid 4%, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
14	Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút) /Residues after evaporation (20% Ethanol, 60°C, 30 minutes)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
15	Cặn khô (Heptan, 25°C, 1 giờ) /Residues after evaporation (Heptane, 25°C, 1 hr)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
16	Cặn khô (Nước, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Water, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
C	NỈA BẢNG NHỰA PP^(#)				
17	Cadmi (Cd) /Cadmium	µg/g	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT ^(*)
18	Chì (Pb) /Lead	µg/g	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT ^(*)

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2503002541/M

Ngày/Date: 20/03/2025

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
19	Kim loại nặng quy ra chì (Pb) (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Heavy metal as Pb (4% Acetic acid, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 1	1	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
20	KMnO ₄ sử dụng (Nước, 95°C, 30 phút) /KMnO ₄ consumption (Water, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
21	Cặn khô (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Acetic acid 4%, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
22	Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút) /Residues after evaporation (20% Ethanol, 60°C, 30 minutes)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
23	Cặn khô (Heptan, 25°C, 1 giờ) /Residues after evaporation (Heptane, 25°C, 1 hr)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
24	Cặn khô (Nước, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Water, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
D	MIẾNG NGĂN THỰC PHẨM BẰNG NHỰA PP (#)				
25	Cadmi (Cd) /Cadmium	µg/g	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
26	Chì (Pb) /Lead	µg/g	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
27	Kim loại nặng quy ra chì (Pb) (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Heavy metal as Pb (4% Acetic acid, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 1	1	QCVN 12-1:2011/BYT(*)

LOP/13/F01 [01/10/2021]

Trang/Page 4/5

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2503002541/M

Ngày/Date: 20/03/2025

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
28	KMnO ₄ sử dụng (Nước, 95°C, 30 phút) /KMnO ₄ consumption (Water, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 5	5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
29	Cặn khô (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Acetic acid 4%, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
30	Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút) /Residues after evaporation (20% Ethanol, 60°C, 30 minutes)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
31	Cặn khô (Heptan, 25°C, 1 giờ) /Residues after evaporation (Heptane, 25°C, 1 hr)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT
32	Cặn khô (Nước, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Water, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10	10	QCVN 12-1:2011/BYT

Tổng số chỉ tiêu/Total testing parameters: 32

[Báo cáo kết thúc/End of report]